

# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-40

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 11 năm 2012.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty:

Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại - nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở).

Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyên giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hòa; Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỡ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

**Vốn điều lệ:** 95.699.830.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

**Mã chứng khoán niêm yết:** SVT.

**Trụ sở chính:** 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Võ Nguyên Khôi	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Nam Long	Ủy viên
Ông Bùi Quang Minh	Ủy viên

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hoài Dung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bông	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Nam Long	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phương	Giám đốc sản xuất
Ông Võ Văn Hải	Giám đốc kinh doanh
Bà Mai Thị Trúc Giang	Giám đốc tài chính - Miễn nhiệm ngày 08/8/2013
Ông Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển

### Kế toán trưởng

Ông Võ Trần Quốc

#### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### 5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

---

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Võ Nguyên Khôi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 06.13.263/AISC-DN6

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông, được lập ngày 15/01/2014, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

**Trần Xuân Thủy**  
Số GCNDKHNKT: 1744-2013-05-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**Trương Diệu Thủy**  
Số GCNDKHNKT: 0212-2013-05-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hàng Bạc Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aisc@da.vnn.vn

Email: aisc@ct.vnn.vn

Email: aisc@hp.vnn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>53.850.718.532</b>	<b>55.904.132.108</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>448.187.218</b>	<b>1.145.979.697</b>
1. Tiền	111		448.187.218	1.145.979.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.467.160.289</b>	<b>47.938.475.629</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	42.474.673.373	41.289.335.286
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	56.795.000	56.795.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	5.043.619.360	6.592.345.343
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(2.107.927.444)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>7.243.757.337</b>	<b>6.629.782.033</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.243.757.337	6.629.782.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>691.613.688</b>	<b>189.894.749</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	136.019.047	54.394.749
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.08	412.642.641	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	142.952.000	135.500.000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>73.378.641.999</b>	<b>75.371.007.253</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.714.661.925</b>	<b>24.686.708.830</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.714.661.925	2.244.914.551
- Nguyên giá	222		34.218.002.376	11.616.976.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.503.340.451)	(9.372.062.312)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		215.751.000	241.351.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(215.751.000)	(241.351.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	-	22.441.794.279
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>49.663.980.074</b>	<b>50.650.652.335</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.975.000.000	6.975.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		54.309.011.652	54.309.011.652
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.620.031.578)	(10.633.359.317)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>33.646.088</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	33.646.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>127.229.360.531</b>	<b>131.275.139.361</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>16.235.662.646</b>	<b>20.823.325.102</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.104.302.261</b>	<b>11.595.123.605</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	1.888.642.069	2.900.841.111
2. Phải trả cho người bán	312	V.15	634.256.849	2.161.581.250
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	2.918.575.485	4.112.957.135
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	186.118.077	303.033.359
5. Phải trả người lao động	315		785.782.419	-
6. Chi phí phải trả	316	V.18	59.366.443	24.929.380
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.623.257.511	1.797.552.962
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.303.408	294.228.408
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.131.360.385</b>	<b>9.228.201.497</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	7.131.360.385	9.228.201.497
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>110.993.697.885</b>	<b>110.451.814.259</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>110.993.697.885</b>	<b>110.451.814.259</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		95.699.830.000	95.699.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.526.899.032	3.526.899.032
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.824.070.176	1.824.070.176
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.142.898.677	4.601.015.051
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>127.229.360.531</b>	<b>131.275.139.361</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	V.01	100,62	100,62
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập

Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Võ Trần Quốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Võ Nguyên Khôi

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	77.902.722.872	75.686.968.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	720.707.142	669.480.950
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	77.182.015.730	75.017.487.364
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	68.690.036.254	67.312.538.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.491.979.476	7.704.949.304
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	147.437.282	1.613.952.460
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	1.832.877.034	4.541.034.822
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		822.726.569	322.911.284
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	1.958.067.262	2.691.812.382
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	3.896.565.720	2.239.004.354
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		951.906.742	(152.949.794)
11. Thu nhập khác	31	VI.09	89.778	488.967.270
12. Chi phí khác	32	VI.10	66.254	115.680.849
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		23.524	373.286.421
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		951.930.266	220.336.627
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.11	204.527.787	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		747.402.479	220.336.627
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.13	57	25

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập



Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng



Võ Trần Quốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Võ Nguyên Khôi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		951.930.266	220.336.627
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	1.648.875.349	575.614.443
- Các khoản dự phòng	03	VI.6, VI.8	3.094.599.705	3.902.750.317
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(147.437.282)	(1.614.424.384)
- Chi phí Lãi vay	06	VI.6	822.726.569	322.911.284
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.370.694.607	3.407.188.287
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(56.706.745)	605.206.307
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(613.975.304)	12.549.949.717
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.478.622.302)	(13.266.440.103)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(47.978.210)	229.105.352
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(822.726.569)	(322.911.284)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(718.648.716)	(1.040.744.100)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(234.595.134)	(60.871.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.397.441.627</b>	<b>2.100.483.176</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(133.631.234)	(642.400.949)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	545.455
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		-	(1.250.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	4.693.500.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		147.437.282	1.613.878.929
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>13.806.048</b>	<b>4.415.523.435</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.538.051.844	4.265.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.647.091.998)	(9.860.703.622)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.109.040.154)</b>	<b>(5.595.703.622)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(697.792.479)</b>	<b>920.302.989</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	1.145.979.697	225.789.124
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(112.416)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>448.187.218</b>	<b>1.145.979.697</b>

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập



Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng



Võ Trần Quốc



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Võ Nguyên Khôi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 11 năm 2012.

**Tên tiếng Anh:** SAI GON VIEN DONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** SAVITECH JSC.

**Trụ sở chính:** 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM.

**Chi nhánh:** Chi nhánh Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông - Chi nhánh Hóc Môn.

**Địa chỉ chi nhánh:** 3/19 ấp Đình, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh.

**2. Hình thức sở hữu vốn:**

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

**Vốn điều lệ:** 95.699.830.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

**3. Hoạt động chính của Công ty:**

Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại - nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở).

Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỡ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

**4. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 67 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2012: 69 nhân viên)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***5. Thông tin về các Công ty liên doanh, liên kết**

Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc bao gồm:

***Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ***

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 40%.

***Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ***

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ : 2.500.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 35%.

***Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt***

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306213397 đăng ký lần thứ 4 ngày 18/10/2012 là : 13.500.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 30%.

***Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh***

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301307242 là : 2.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 40%.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:**

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

**5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>5 - 25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>4 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>5 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>8 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>6 năm</i>

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu quản lý, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 đã được hạch toán hết vào chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:** Lợi thế thương mại ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu ích ước tính của lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện sản xuất, quảng cáo, trích trước tiền thưởng đạt doanh số cho khách hàng và chi phí khác...

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:****Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác:**

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho Công ty năm hiện hành như sau: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 25%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2013: 21.085 VND/USD.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là không đáng kể.

**16. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và chưa niêm yết.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**17. Các bên liên quan:**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	01/01/2013
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Tiền</b>	<b>448.187.218</b>	<b>1.145.979.697</b>
Tiền mặt	113.633.697	701.347.862
Tiền gửi ngân hàng	334.553.521	444.631.835
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	<i>332.456.863</i>	<i>442.538.939</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	<i>USD 100,62 2.096.658</i>	<i>2.092.896</i>
<b>Cộng</b>	<b>448.187.218</b>	<b>1.145.979.697</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Các bên liên quan</b>	<b>39.678.767.230</b>	<b>35.627.474.278</b>
Công ty CP TM Toàn Lực (*)	38.569.271.162	26.056.621.481
Công ty CP Giấy Toàn Lực	767.268	-
Công ty CP In Khánh Hội	-	9.544.123.997
Công ty CP Văn hóa Giáo dục Viễn Đông	98.728.800	26.728.800
Trường trung học phổ thông Việt Mỹ Anh	834.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển giáo dục Hoàng Việt	176.000.000	-
<b>Khách hàng khác</b>	<b>2.795.906.143</b>	<b>5.661.861.008</b>
<b>Cộng</b>	<b>42.474.673.373</b>	<b>41.289.335.286</b>
(*) <i>Giao dịch chủ yếu với Công ty CP TM Toàn Lực là mua bán giấy công nghiệp. Số dư phải thu tại ngày 31/12/2013 của Công ty CP TM Toàn Lực chiếm 97,20% khoản mục phải thu khách hàng.</i>		
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Người bán khác	56.795.000	56.795.000
<b>Cộng</b>	<b>56.795.000</b>	<b>56.795.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2013	01/01/2013
Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.798.534.922
Bà Bùi Thị Ngọc Yến (*)	4.693.500.000	4.693.500.000
Công ty CP Thương Mại Toàn Lực	300.000.000	-
Cao ốc căn hộ Tân Xuân	30.000.000	30.000.000
Bảo hiểm y tế	1.344.360	-
Phải thu khác	18.775.000	70.310.421
<b>Cộng</b>	<b>5.043.619.360</b>	<b>6.592.345.343</b>

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 12 năm 2012 về việc chuyển nhượng 469.350 cổ phần của Công ty CP TM Toàn Lực (tương đương 4.693.500.000 đồng) cho Bà Bùi Thị Ngọc Yến, thời hạn tất toán của khoản phải thu này là 31/3/2013 và được gia hạn lần 01 đến ngày 31/12/2014 theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị và Phụ lục gia hạn ngày 31 tháng 3 năm 2013.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Năm 2013	Năm 2012
Số dư đầu năm	-	-
Số dự phòng trong năm	(2.107.927.444)	-
Hoàn nhập	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(2.107.927.444)</b>	<b>-</b>

6. Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu	1.865.771.089	1.884.747.700
Công cụ, dụng cụ	845.645.361	700.906.413
Chi phí SX, KD dở dang	112.922.535	194.203.829
Thành phẩm	4.401.945.777	3.826.810.831
Hàng hoá	17.472.575	23.113.260
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>7.243.757.337</b>	<b>6.629.782.033</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>7.243.757.337</b>	<b>6.629.782.033</b>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí công cụ dụng cụ	136.019.047	54.394.749
<b>Cộng</b>	<b>136.019.047</b>	<b>54.394.749</b>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/12/2013	01/01/2013
Thuế TNCN nộp thừa	1.183.306	-
Thuế TNDN nộp thừa	411.459.335	-
<b>Cộng</b>	<b>412.642.641</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2013	01/01/2013
<b>9. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	132.952.000	125.500.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>142.952.000</b>	<b>135.500.000</b>

10. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 34.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	25.600.000	215.751.000	241.351.000
<i>Giảm theo Thông tư 45</i>	25.600.000	-	25.600.000
Số dư cuối năm	-	215.751.000	215.751.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	25.600.000	215.751.000	241.351.000
<i>Giảm theo Thông tư 45</i>	25.600.000	-	25.600.000
Số dư cuối năm	-	215.751.000	215.751.000
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-

(\*) *Ghi chú:*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 215.751.000 VND.

	31/12/2013	01/01/2013
<b>12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án <i>Công trình Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ</i>	-	22.441.794.279
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>22.441.794.279</b>

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Xem trang 35 - 36.

	31/12/2013	01/01/2013
<b>14. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.687.800.957</b>	<b>2.700.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - VND (1)	1.687.800.957	2.700.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>200.841.112</b>	<b>200.841.111</b>
Bộ Tài chính (2)	200.841.112	200.841.111
<b>Cộng</b>	<b>1.888.642.069</b>	<b>2.900.841.111</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(1) Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
HĐ tín dụng số 038AVL13-TN, hạn mức 2.700.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động	29/07/2013	Thời gian duy trì hạn mức vay là 60 tháng. Ngày đáo hạn theo từng giấy nhận nợ không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân.	Theo từng lần vay	Đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3: QSD đất và TS gắn liền tại 39/39 Nguyễn Cửu Đàm, Tân Sơn Nhì, Tân Phủ.

(2) Khoản nợ dài hạn của Bộ Tài chính căn cứ vào công văn số 13237 - TC/TCĐN về việc thu hồi mặt bằng. Khoản vay tín chấp và không tính lãi vay. Mục đích vay: đầu tư, xây dựng dây chuyền sản xuất, lắp ráp lốp xe. Thời hạn thanh toán: 10 năm kể từ năm 2006, trong đó thời gian ân hạn là 2 năm. Khoản nợ sẽ được thanh toán hết vào năm 2014. Khoản tiền phải trả hàng năm cho Bộ Tài chính là: 200.841.111 đồng.

<b>15. Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Các bên liên quan</b>	<b>4.664.000</b>	<b>805.992.164</b>
Công ty CP TM Toàn Lực	-	789.492.164
Công ty CP Chè - Cà phê Di Linh	4.664.000	16.500.000
<b>Người bán khác</b>	<b>629.592.849</b>	<b>1.355.589.086</b>
<b>Cộng</b>	<b>634.256.849</b>	<b>2.161.581.250</b>
<b>16. Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Các bên liên quan</b>	<b>2.918.575.485</b>	<b>4.112.957.135</b>
Công ty Cổ Phần Mai Lan	-	875.588.650
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	2.899.075.485	3.237.368.485
Trường Trung học Cơ sở Việt Mỹ	19.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.918.575.485</b>	<b>4.112.957.135</b>
<b>17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Thuế giá trị gia tăng	186.118.077	278.877.460
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.155.899
<b>Cộng</b>	<b>186.118.077</b>	<b>303.033.359</b>
<b>18. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Tiền điện sản xuất	29.366.443	24.929.380
Chi phí kiểm toán	30.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>59.366.443</b>	<b>24.929.380</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2013	01/01/2013
<b>19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	-	37.188.460
Phải trả về cổ phần hoá	4.664.502	4.664.502
Công ty CP Chè - Cà phê Di Linh	1.000.000.000	-
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	631.700.000	771.700.000
Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ	974.000.000	974.000.000
Sầm Thái Sơn	10.000.000	10.000.000
Phải trả khác	2.893.009	-
<b>Cộng</b>	<b>2.623.257.511</b>	<b>1.797.552.962</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>7.131.360.385</b>	<b>9.027.360.385</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 12	7.131.360.385	9.027.360.385
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>200.841.112</b>
Bộ Tài chính	-	200.841.112
<b>Cộng</b>	<b>7.131.360.385</b>	<b>9.228.201.497</b>

Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 12 như sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	đảm bảo
151/HĐTD (*)	07/08/2010	07/08/2017	Theo từng lần vay	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai.

(\*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 12 TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 151/HĐTD ngày 7/8/2010. Hạn mức vay: 31.500.000.000 đồng. Mục đích: vay đầu tư cho dự án xây dựng và mở rộng Trường THCS Việt Mỹ; Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ và cộng biên độ tối thiểu 3,8%/năm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Theo quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 02/07/2010 của UBND Tp. HCM thì Công ty được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh từ việc đầu tư xây dựng mở rộng Trường Việt Mỹ. Trong năm 2013, Kho Bạc Nhà Nước đã duyệt chi khoản cấp bù lãi vay (từ tháng 01/2013 đến tháng 7/2013) là 558.528.000 đồng.

## 21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 37.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2013	01/01/2013
Công ty CP ĐT PT TM Viễn Đông	33,27%	31.840.070.000	31.840.070.000
Công ty CP Giấy Toàn Lực	7,40%	7.085.100.000	7.085.100.000
Bà Phạm Thị Xuân Tươi	5,68%	5.436.170.000	-
Bà Huỳnh Thị Hoa Mai	5,45%	5.209.430.000	-
Bà Lê Thị Minh Giang	5,26%	5.031.730.000	-
Các cổ đông khác	42,94%	41.097.330.000	56.774.660.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>95.699.830.000</b>	<b>95.699.830.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2013	Năm 2012
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.699.830.000	95.699.830.000
Vốn góp đầu năm	95.699.830.000	87.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	8.699.830.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	95.699.830.000	95.699.830.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	8.699.830.000
<b>d. Cổ tức</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	Chưa công bố	Chưa công bố
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	Chưa công bố	Chưa công bố
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	Không có	Không có
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận	Không có	Không có
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.983	9.569.983
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.983	9.569.983
Cổ phiếu phổ thông	9.569.983	9.569.983
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.983	9.569.983
Cổ phiếu phổ thông	9.569.983	9.569.983
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Quỹ đầu tư phát triển	3.526.899.032	3.526.899.032
Quỹ dự phòng tài chính	1.824.070.176	1.824.070.176
<b>Cộng</b>	<b>5.350.969.208</b>	<b>5.350.969.208</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Năm 2013	Năm 2012
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	48.197.729.471	49.323.840.038
Doanh thu bán thành phẩm	24.966.879.400	25.293.444.644
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.837.629.999	1.069.683.632
Doanh thu khác	900.484.002	-
<b>Cộng</b>	<b>77.902.722.872</b>	<b>75.686.968.314</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2013	Năm 2012
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	689.831.626	452.805.526
Hàng bán bị trả lại	30.875.516	216.675.424
<b>Cộng</b>	<b>720.707.142</b>	<b>669.480.950</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
Doanh thu bán hàng hóa	48.197.729.471	49.323.840.038
Doanh thu bán thành phẩm	24.246.172.258	24.623.963.694
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.837.629.999	1.069.683.632
Doanh thu khác	900.484.002	-
<b>Cộng</b>	<b>77.182.015.730</b>	<b>75.017.487.364</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	47.984.082.694	48.379.462.296
Giá vốn thành phẩm đã bán	19.134.166.007	18.315.448.356
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.367.370.248	581.818.181
Giá vốn khác (vật tư xuất bán)	204.417.305	35.809.227
<b>Cộng</b>	<b>68.690.036.254</b>	<b>67.312.538.060</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.437.282	8.878.929
Cổ tức, lợi nhuận được chia	140.000.000	1.605.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	73.531
<b>Cộng</b>	<b>147.437.282</b>	<b>1.613.952.460</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
Lãi tiền vay	822.726.569	322.911.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	298.149.278
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	986.672.261	3.902.750.317
Chi phí tài chính khác	23.478.204	17.223.943
<b>Cộng</b>	<b>1.832.877.034</b>	<b>4.541.034.822</b>
<b>7. Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
Chi phí nhân viên	1.135.912.056	951.861.301
Chi phí vật liệu, bao bì	7.829.526	28.562.153
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.493.496	25.493.496
Chi phí bảo hành	310.637	10.123.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	288.882.978
Chi phí bằng tiền khác	788.521.547	1.386.888.814
<b>Cộng</b>	<b>1.958.067.262</b>	<b>2.691.812.382</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2013	Năm 2012
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	1.106.955.188	1.221.183.410
Chi phí vật liệu, bao bì	17.172.492	21.133.066
Chi phí đồ dùng văn phòng	71.153.742	84.352.816
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.822.197	170.342.452
Thuế, phí, lệ phí	10.693.455	10.762.000
Chi phí dự phòng	2.107.927.444	-
Chi phí bằng tiền khác	568.841.202	731.230.610
<b>Cộng</b>	<b>3.896.565.720</b>	<b>2.239.004.354</b>
<b>9. Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý máy móc, thiết bị	-	545.455
Thu phí hỗ trợ di dời	-	488.421.815
Thu nhập khác	89.778	-
<b>Cộng</b>	<b>89.778</b>	<b>488.967.270</b>
<b>10. Chi phí khác</b>		
Chi phí khấu hao nhà xưởng	-	114.597.504
Tiền phạt	66.254	1.083.345
<b>Cộng</b>	<b>66.254</b>	<b>115.680.849</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>951.930.266</b>	<b>220.336.627</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.180.881	4.948.788
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>5.271.790</i>	<i>4.948.788</i>
<i>Hàng bán bị trả lại không có hóa đơn</i>	<i>909.091</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(140.000.000)	(1.605.000.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(140.000.000)</i>	<i>(1.605.000.000)</i>
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>818.111.147</b>	<b>(1.379.714.585)</b>
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>204.527.787</b>	-
<b>5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>204.527.787</b>	-
<b>12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.965.180.576	11.615.771.029
Chi phí nhân công	6.056.609.396	3.204.054.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.648.875.349	253.447.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.625.411.025	-
Chi phí khác bằng tiền	3.558.151.272	1.416.578.328
<b>Cộng</b>	<b>26.854.227.618</b>	<b>16.489.851.863</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2013	Năm 2012
<b>13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	747.402.479	220.336.627
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(205.518.853)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(205.518.853)	-
+ Thu thuế TNCN	(32.400.000)	-
+ Thu thuế TNDN	(111.351.100)	-
+ Tiền phạt thuế	(61.767.753)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	541.883.626	220.336.627
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.569.983	8.778.656
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	57	25

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản  
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**14.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi và các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>		
VND	+ 200	(167.419.482)
VND	- 200	167.419.482
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>		
VND	+ 200	(211.627.614)
VND	- 200	211.627.614

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**14.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm đã được trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTT và Thông tư 89/2013/TT-BTC.

**14.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>31 tháng 12 năm 2013</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	1.888.642.069	7.131.360.385	-	<b>9.020.002.454</b>
Phải trả người bán	634.256.849	-	-	<b>634.256.849</b>
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	30.000.000	-	-	<b>30.000.000</b>
	<b>2.552.898.918</b>	<b>7.131.360.385</b>	-	<b>9.684.259.303</b>
<b>31 tháng 12 năm 2012</b>				
Các khoản vay và nợ	2.900.841.111	9.228.201.497	-	<b>12.129.042.608</b>
Phải trả người bán	2.161.581.250	-	-	<b>2.161.581.250</b>
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	-	-	-	-
	<b>5.062.422.361</b>	<b>9.228.201.497</b>	-	<b>14.290.623.858</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng Tài sản "Công trình Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ" tại 252 Lạc Long Quân, Quận 11, Tp. HCM làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN 12 (Thuyết minh số V.20 vay dài hạn).

**15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 38.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:	Tỷ lệ góp vốn	Mối quan hệ
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	10,00%	Đầu tư dài hạn
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	35,00%	Công ty liên kết
Trường THCS Việt Mỹ	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	18,97%	Đầu tư dài hạn
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Giấy Toàn Lực	17,66%	Đầu tư dài hạn - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	2,23%	Đầu tư dài hạn
Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Chè Cà phê Di Linh	0,91%	Đầu tư dài hạn
Công ty CP In Khánh Hội	12,50%	Đầu tư dài hạn

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	Đầu tư dài hạn	Phí thuê mặt bằng	72.000.000	-
		Phải thu phí thuê mặt bằng	-	98.728.800
Trường Tiểu Học Dân Lập Việt Mỹ	Công ty liên kết	Phí thuê mặt bằng	1.361.393.000	-
		Thu tiền phí thuê mặt bằng	1.617.600.000	-
		Ứng trước tiền thuê mặt bằng	-	2.899.075.485
		Trả tiền mượn trong kỳ	140.000.000	-
		Phải trả tiền mượn	-	631.700.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Phí thuê mặt bằng	176.000.000	-
		Phải thu phí thuê mặt bằng	-	176.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trường THCS Việt Mỹ	Công ty liên kết	Phí thuê mặt bằng	1.778.000.000	-
		Thu tiền phí thuê mặt bằng	1.203.000.000	-
		Ứng trước tiền thuê mặt bằng	-	19.500.000
		Phải trả tiền mượn	-	974.000.000
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	Đầu tư dài hạn	Bán hàng hóa	36.236.346.348	-
		Thu tiền hàng	2.698.000.000	-
		Cần trừ công nợ	21.025.696.667	-
		Phải thu tiền hàng	-	38.569.271.162
		Mua hàng trong kỳ	44.958.266.306	-
		Thanh toán tiền hàng	45.747.758.470	-
		Cho mượn tiền	300.000.000	-
Phải thu tiền mượn	-	300.000.000		
Công ty CP Giấy Toàn Lực	Đầu tư dài hạn - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Bán hàng hóa	4.071.230.790	-
		Thu tiền hàng	1.855.000.000	-
		Cần trừ công nợ	2.215.463.522	-
		Phải thu tiền hàng	-	767.268
		Mua hàng trong kỳ	4.184.463.522	-
		Thanh toán tiền hàng	4.184.463.522	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	Đầu tư dài hạn	Cho mượn tiền	730.000.000	-
		Thu tiền cho mượn	730.000.000	-
Công ty CP Chè Cà phê Di Linh	Đầu tư dài hạn	Mua hàng trong kỳ	5.064.000	-
		Thanh toán tiền hàng	16.900.000	-
		Phải trả tiền hàng	-	4.664.000
		Mượn tiền trong kỳ	3.100.000.000	-
		Trả tiền mượn trong kỳ	2.100.000.000	-
Phải trả tiền mượn	-	1.000.000.000		
Công ty CP In Khánh Hội	Đầu tư dài hạn	Thu tiền hàng	8.081.000.000	-
		Cần trừ công nợ	1.463.123.997	-
Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	Công ty liên kết	Phí thuê mặt bằng	834.000.000	-
		Phải thu phí thuê mặt bằng	-	834.000.000
Ban Giám đốc		Lương và thưởng	567.549.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Xem trang 39 - 40.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

## 5. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được trình bày lại như sau: (công cụ tài chính)

31 tháng 12 năm 2012	Phân loại và trình bày lại		Đã trình bày trên báo cáo năm trước	
	Dưới 1 năm	Tổng cộng	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	-	-	1.745.700.000	1.745.700.000
	-	-	<b>1.745.700.000</b>	<b>1.745.700.000</b>

31 tháng 12 năm 2012	Đã trình bày trên báo cáo năm trước		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	54.309.011.652	(10.633.359.317)	43.675.652.335
	<b>54.309.011.652</b>	<b>(10.633.359.317)</b>	<b>43.675.652.335</b>
- Nợ phải trả tài chính khác	1.745.700.000	-	1.745.700.000
	<b>1.745.700.000</b>	-	<b>1.745.700.000</b>

01 tháng 01 năm 2013	Phân loại và trình bày lại		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.011.289.000	(7.471.830.000)	1.539.459.000
- Đầu tư dài hạn khác	45.297.722.652	(3.161.529.317)	42.136.193.335
	<b>54.309.011.652</b>	<b>(10.633.359.317)</b>	<b>43.675.652.335</b>
- Nợ phải trả tài chính khác	-	-	-
	-	-	-

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập



Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng



Võ Trần Quốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



  
Võ Nguyên Khôi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	4.434.049.288	5.365.980.203	502.514.450	199.096.298	1.115.336.624	11.616.976.863
ĐT XDCB hoàn thành	21.731.137.610	-	-	1.420.704.291	-	23.151.841.901
Giảm theo Thông tư 45	97.618.444	324.302.101	22.579.545	106.316.298	-	550.816.388
Số dư cuối năm	26.067.568.454	5.041.678.102	479.934.905	1.513.484.291	1.115.336.624	34.218.002.376
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.127.565.902	5.025.715.608	351.677.968	166.616.309	700.486.525	9.372.062.312
Khấu hao trong năm	1.090.233.758	122.546.366	25.493.496	297.963.057	112.638.672	1.648.875.349
Giảm theo Thông tư 45	80.539.124	319.588.500	22.579.545	94.890.041	-	517.597.210
Số dư cuối năm	4.137.260.536	4.828.673.474	354.591.919	369.689.325	813.125.197	10.503.340.451
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.306.483.386	340.264.595	150.836.482	32.479.989	414.850.099	2.244.914.551
Số dư cuối năm	21.930.307.918	213.004.628	125.342.986	1.143.794.966	302.211.427	23.714.661.925

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

+ Giá trị còn lại trước khi thay đổi theo Thông tư 45: 20.586.712.230 VND.

+ Giá trị còn lại sau khi thay đổi theo Thông tư 45: 20.586.712.230 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình trước khi thay đổi theo Thông tư 45: 6.556.933.374 VND.

+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình sau khi thay đổi theo Thông tư 45: 6.108.408.986 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2013		01/01/2013		
	Tỷ lệ góp vốn theo Giấy phép ĐKKD	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			<b>6.975.000.000</b>		<b>6.975.000.000</b>
Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ (*)	40,00%	80.000	800.000.000	80.000	800.000.000
Trường tiểu học Dân lập Việt Mỹ	35,00%	87.500	875.000.000	87.500	875.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30,00%	405.000	4.500.000.000	405.000	4.500.000.000
Trường THPT Việt Mỹ Anh	40,00%	80.000	800.000.000	80.000	800.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>		<b>54.309.011.652</b>		<b>54.309.011.652</b>
Công ty Cổ Phần Đầu tư PT Thương mại Viễn Đông	2,23%	570.170	9.011.289.000	570.170	9.011.289.000
Công ty Cổ Phần Chè Minh Rồng	1,79%	24.300	1.215.000.000	24.300	1.215.000.000
Công ty Cổ Phần Chè Cà Phê Di Linh	0,91%	20.000	600.432.652	20.000	600.432.652
Công ty Cổ Phần Giấy Toàn Lực	17,66%	1.695.000	16.950.000.000	1.695.000	16.950.000.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Toàn Lực	18,97%	1.780.650	17.806.500.000	1.780.650	17.806.500.000
Công ty Cổ Phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	4,95%	222.579	2.225.790.000	222.579	2.225.790.000
Công ty Cổ Phần In Khánh Hội	19,00%	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông (**)	10,00%	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>61.284.011.652</b>		<b>61.284.011.652</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2013	01/01/2013
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)</b>	<b>(11.620.031.578)</b>	<b>(10.633.359.317)</b>
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	(3.560.006.711)	(1.951.192.872)
Trường THPT Việt Mỹ Anh	(205.319.283)	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư PT Thương mại Viễn Đông	(6.730.609.000)	(7.471.830.000)
Công ty Cổ Phần Chè Cà Phê Di Linh	-	(40.657.836)
Công ty Cổ Phần In Khánh Hội	(695.317.272)	(921.795.311)
Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	(428.779.312)	(247.883.298)
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.663.980.074</b>	<b>50.650.652.335</b>

**Ghi chú:**

(\*) Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 04/07/2009 về việc góp vốn thành lập Trường THCS Việt Mỹ, sau khi bàn bạc thảo luận các thành viên HĐQT thống nhất tỷ lệ góp vốn là 40%, tương ứng 4.000.000.000 đồng. Tính đến 31/12/2013, vốn thực góp của Công ty tại Trường THCS Việt Mỹ là 800.000.000 đồng.

(\*\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305072778 của Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông chứng nhận lần đầu ngày 5/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/8/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông vào Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông là 20.000.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 40%. Tính đến 31/12/2013, vốn thực góp của Công ty tại Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông là 5.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ vốn góp 10%, 30% còn lại Công ty đã chuyển quyền mua cho cổ đông khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>87.000.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>(146.882.984)</b>	<b>3.526.899.032</b>	<b>1.637.807.534</b>	<b>13.266.771.066</b>	<b>110.084.594.648</b>
- LN trong năm trước	-	-	-	-	-	220.336.627	220.336.627
- Tăng vốn trong năm trước	8.699.830.000	-	-	-	-	-	8.699.830.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	146.882.984	-	-	-	146.882.984
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	186.262.642	(186.262.642)	-
- Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(8.699.830.000)	(8.699.830.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>95.699.830.000</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.526.899.032</b>	<b>1.824.070.176</b>	<b>4.601.015.051</b>	<b>110.451.814.259</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>95.699.830.000</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.526.899.032</b>	<b>1.824.070.176</b>	<b>4.601.015.051</b>	<b>110.451.814.259</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	747.402.479	747.402.479
- Nộp thuế theo QĐ 4536	-	-	-	-	-	(205.518.853)	(205.518.853)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>95.699.830.000</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.526.899.032</b>	<b>1.824.070.176</b>	<b>5.142.898.677</b>	<b>110.993.697.885</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số			Giá trị hợp lý		
	31/12/2013	Dự phòng	Giá trị	31/12/2012	Dự phòng	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	448.187.218	-	1.145.979.697	-	-	448.187.218
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.011.289.000	(6.730.609.000)	9.011.289.000	(7.471.830.000)	2.280.680.000	1.539.459.000
- Đầu tư dài hạn khác	45.297.722.652	(4.889.422.578)	45.297.722.652	(3.161.529.317)	40.408.300.074	42.136.193.335
- Phải thu khách hàng	42.474.673.373	(2.107.927.444)	41.289.335.286	-	40.366.745.929	41.289.335.286
- Phải thu khác	4.693.500.000	-	4.693.500.000	-	4.693.500.000	4.693.500.000
- Tài sản tài chính khác	10.000.000	-	10.000.000	-	10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.935.372.243</b>	<b>(13.727.959.022)</b>	<b>101.447.826.635</b>	<b>(10.633.359.317)</b>	<b>88.207.413.221</b>	<b>90.814.467.318</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	9.020.002.454	-	12.129.042.608	-	-	12.129.042.608
- Phải trả người bán	634.256.849	-	2.161.581.250	-	-	2.161.581.250
- Nợ phải trả tài chính khác	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.684.259.303</b>	<b>-</b>	<b>14.290.623.858</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.290.623.858</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi số của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định theo giá trị thị trường của chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn khác được trình bày bằng giá trị ghi số trừ đi (-) các khoản trích lập dự phòng đầu tư dài hạn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi số vào ngày kết thúc năm tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhiệm phục vụ công tác quản lý, Công ty có kinh doanh thương mại nhiều nhóm sản phẩm nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý không có vị đơn vị chi kinh doanh trong nước.

## 3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiêu	Kinh doanh giấy thương mại	Sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp	Thuê kho, mặt bằng	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>48.192.174.045</b>	<b>25.152.211.686</b>	<b>3.837.629.999</b>	<b>-</b>	<b>77.182.015.730</b>
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	48.192.174.045	24.731.502.076	3.837.629.999	-	76.761.306.120
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	-	420.709.610	-	-	420.709.610
<b>2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>147.437.282</b>	<b>147.437.282</b>
<b>3. Chi phí</b>	<b>48.850.611.002</b>	<b>23.108.894.542</b>	<b>1.991.552.049</b>	<b>2.426.488.677</b>	<b>76.377.546.270</b>
- Giá vốn	47.963.743.268	19.358.922.738	1.367.370.248	-	68.690.036.254
- Chi phí phân bổ	709.468.548	3.429.501.868	17.819.253	1.416.338.212	5.573.127.881
- Chi phí khấu hao	-	281.505.101	-	-	281.505.101
- Chi phí tài chính	177.399.186	38.964.835	606.362.548	1.010.150.465	1.832.877.034
<b>4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(658.436.957)</b>	<b>2.043.317.144</b>	<b>1.846.077.950</b>	<b>(2.279.051.395)</b>	<b>951.906.742</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Đơn vị tính: Đồng Việt Nam		
5. Tài sản bộ phận	38.570.038.430	11.702.276.103	21.075.883.334
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	-	-	-
7. Nợ phải trả bộ phận	2.687.800.957	2.028.904.786	8.750.380.527
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-